

Số: /QĐ-SKHCN

Khánh Hòa, ngày tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai ngân sách nhà nước năm 2026**

**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán NSNN năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ theo Phụ biểu đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng và các Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Trang TTĐT Sở (VBĐT);
- Lưu: VT, VP (N, 02).

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Quốc Hoàn**

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa

## Chương: 417

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày /01/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

| Số TT | Nội dung                                                           | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Trong đó:     |                         |                               |               |
|-------|--------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------|-------------------------|-------------------------------|---------------|
|       |                                                                    |                   |                    | Văn phòng Sở  | Trung tâm Chuyên đổi số | Trung tâm Thông tin và UĐKHCN | Trung tâm TĐC |
| 1     | 2                                                                  | 3                 | 4=5+6+7+8          | 5             | 6                       | 7                             | 8             |
| A     | Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí                         | 0                 | 0                  | 0             | 0                       | 0                             | 0             |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                     | 0                 | 0                  | 0             | 0                       | 0                             | 0             |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                         | 1.700.000.000     | 1.700.000.000      | 1.700.000.000 | 0                       | 0                             | 0             |
| 1     | Chi quản lý nhà nước                                               | 1.700.000.000     | 1.700.000.000      | 1.700.000.000 | 0                       | 0                             | 0             |
| 1.1   | KP thực hiện chế độ tự chủ                                         | 0                 | 0                  | 0             | 0                       | 0                             | 0             |
| 1.2   | KP cải cách tiền lương                                             | 0                 | 0                  | 0             | 0                       | 0                             | 0             |
| 1.3   | KP không thực hiện chế độ tự chủ                                   | 1.700.000.000     | 1.700.000.000      | 1.700.000.000 | 0                       | 0                             | 0             |
| -     | Kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh năm 2026 | 1.700.000.000     | 1.700.000.000      | 1.700.000.000 | 0                       | 0                             | 0             |
| 2     | ...                                                                |                   | 0                  | 0             | 0                       | 0                             | 0             |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                                                 | 0                 | 0                  | 0             | 0                       | 0                             | 0             |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                                            | 0                 | 0                  | 0             | 0                       | 0                             | 0             |